

# VỀ ĐÓNG GÓP CỦA NHẬT BẢN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI 3 NƯỚC VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA (1991 - 2005)

HOÀNG THỊ MINH HOA\*

Khi tìm hiểu về vai trò của Nhật Bản ở khu vực Đông Nam Á (ĐNÁ) nhất là sau khi hòa bình đã được lập lại ở khu vực này (1991), chúng tôi rất chú trọng đến vai trò của Nhật Bản đối với sự phát triển kinh tế, xã hội 3 nước Đông Dương. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về quan hệ song phương của các đối tác nói trên và tác động của nó với cả hai phía nhất là với 3 nước Đông Dương chúng tôi rút ra một số nhận xét tổng quan về vai trò của Nhật Bản đối với 3 nước Đông Dương trong giải quyết các vấn đề liên quan đến an ninh, phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế, an sinh con người và triển vọng của mỗi quan hệ đó.

## 1. Vai trò của Nhật Bản trong giải quyết các vấn đề liên quan đến an ninh, ổn định kinh tế của khu vực

*1.1. Tham gia giải quyết vấn đề hòa bình và tái thiết ở Campuchia những năm 1990, 1991*

Vấn đề Campuchia được chọn là trường hợp thử nghiệm cho “hợp tác vì hòa bình” của Nhật Bản. Khi “Kế hoạch hợp tác quốc tế” của Nhật Bản được soạn thảo tháng 5/1988, Bộ ngoại giao Nhật Bản càng đẩy mạnh việc tích cực nắm lấy quá trình đàm

phán hòa bình ở Campuchia và xúc tiến việc xây dựng một “Đề án hòa bình cho Campuchia”. Tuy Đề án hòa bình do Nhật Bản đưa ra đã không được thông qua nhưng điều lí thú là “Đề án 9 điểm” của Quốc vương Shihanuc (4/1990) đề xướng lại có cùng suy nghĩ với Đề án hòa bình của Nhật Bản. Tháng 6/1990, Nhật Bản đã phối hợp với Thái Lan đứng ra triệu tập cuộc họp tại Tokyo của các phái chính trị ở Campuchia để bàn về giải pháp nỗ lực cho tiến trình lập lại hòa bình ở nước này. Nhật Bản đã thuyết phục ba nhóm ở Campuchia đồng ý với hình thức 2 nhóm thay vì 4 nhóm. Đây là mô hình khả thi nhất cho việc mở đường xúc tiến hòa bình ở Campuchia. Mặc dù chỉ là sự ủng hộ bên lề, vì trên thực tế Hội nghị Hòa bình về Campuchia (11/1990) chỉ do các nước lớn đảm trách nhằm tạo ra “Thỏa thuận khung” về giải trừ quân bị. Vai trò của Chính phủ Nhật Bản ở Campuchia vẫn được phát huy mạnh mẽ trong suốt nửa đầu năm 1991, đưa ra sáng kiến hòa bình cho Campuchia (3/1991), đăng cai tổ chức Hội nghị đàm phán hòa bình Campuchia (6/1991). Đây được coi là sự kiện ngoại giao lớn nhất của Nhật Bản kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ II khi mà cộng đồng quốc tế ít quan tâm đến Campuchia.

\* PGS. TS. Hoàng Thị Minh Hoa, Khoa Sử - Đại học Sư phạm Huế

Ngay sau khi việc ký kết Hiệp định hòa bình cho Campuchia năm 1991, đội quân đầu tiên của Campuchia được đặt dưới sự kiểm soát của người Nhật - ông Yasushi Akashi, nhân viên cố vấn Liên Hợp Quốc (LHQ) và là người đứng đầu Cơ quan quyền lực LHQ ở Campuchia. Ông đã phát biểu: "Mục tiêu của Nhật Bản là đóng vai trò người kiểm soát hòa bình".

[1- tr 32] Đặc biệt, tháng 6/1992, Quốc hội Nhật Bản thông qua dự án luật PKO (Peace Keeping Operation) làm cơ sở cho Lực lượng phòng vệ Nhật Bản tham gia gìn giữ hòa bình của LHQ ở Campuchia. Nhật Bản đã tham gia tích cực, đóng góp phần chi phí cao nhất cho lực lượng gìn giữ hòa bình của LHQ triển khai ở Campuchia. [5 - tr 35-40]. Sau đó, Nhật Bản chủ trì Hội nghị Quốc tế tái thiết Campuchia tại Tokyo và cam kết đóng góp nhiều nhất (khoảng 200 triệu USD/800 triệu USD, bằng 25% tổng số tiền cam kết của cộng đồng quốc tế). Đó là những bước đi hết sức dũng cảm, mạnh bạo, tích cực và có hiệu quả của Chính phủ Nhật Bản trên con đường tìm kiếm một vai trò cao hơn trong đời sống chính trị quốc tế, mà trước hết là tìm kiếm vai trò khu vực và duy trì sự ổn định an ninh chính trị (có lợi cho sự phát triển kinh tế của Nhật Bản) ở Đông Nam Á nói riêng và Châu Á - Thái Bình Dương (CÁ - TBD) nói chung.

### *1.2. Tham gia giải quyết vấn đề khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở ĐNÁ*

Vào cuối những năm 90 của thế kỷ 20, một lần nữa Nhật Bản lại thể hiện vai trò hỗ trợ lớn về kinh tế, đề ra những biện pháp giúp các nước ĐNÁ thoát ra khỏi khủng hoảng, phục hồi, ổn định và phát triển kinh tế ở khu vực này. Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở Châu Á và ĐNÁ, diễn ra vào cuối năm 1997, tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực: kinh tế, thương mại, tài chính, đầu tư, chính trị, ngoại giao... và các lĩnh vực khác của đời sống

khu vực và quốc tế. Đây là cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ lớn của khu vực Châu Á, nó tác động không có lợi đến nền kinh tế, xã hội và đời sống chính trị của nhiều nước, nhất là các nước lớn, đặc biệt là Mỹ có lợi ích lớn ở khu vực này. Các nước lớn tuy có đóng góp nhưng không đáng kể, còn Mỹ hầu như lảng tránh nhiệm vụ này. Trước tình hình đó, chính phủ Nhật Bản cho rằng phương pháp hữu hiệu nhất để đưa các nước ĐNÁ thoát ra khỏi khủng hoảng tài chính, tiền tệ là dựa vào sức mạnh mọi mặt của Nhật Bản và độc lập đề xuất một loạt biện pháp tổng hợp. Nhật Bản đã trợ giúp 43 tỷ USD để đảm bảo khả năng thanh toán tiền mặt cho các nước Đông Á. Như vậy, so với 12 tỷ USD trợ cấp của Mỹ và 7 tỷ USD của EU đối với Đông Á thì số tiền mà Nhật Bản đã tài trợ là quá lớn.[6 - tr 7-10] Như vậy, Nhật Bản đã thể hiện một vai trò tích cực, chủ động và có trách nhiệm hơn đối với các nước Đông Á. Ngoài ra Nhật Bản còn đề xuất những sáng kiến về xây dựng chính sách tiền tệ ổn định ở ĐNÁ, thành lập Quỹ tiền tệ châu Á... Như vậy, thái độ thờ ơ của Mỹ trong các hoạt động ngoại giao và tài trợ kinh tế cho các nước ĐNÁ trong khủng hoảng tài chính năm 1997 đã tạo cơ hội thuận lợi cho Nhật Bản thực hiện "chính sách khu vực" của mình. Nhật Bản vẫn kiên trì, bền bỉ theo đuổi chính sách khu vực, với 3 biện pháp ngoại giao tổng lực là ngoại giao hòa bình, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa.

## **2. Đóng góp của Nhật Bản đối với phát triển kinh tế 3 nước Đông Dương**

### *2.1. Nhật Bản là nhà cung cấp vốn, tài chính hàng đầu*

Vai trò của Nhật Bản đối với 3 nước Đông Dương cần nói đến là nhờ điều chỉnh chính sách Đông Á của mà làn sóng vốn ODA và FDI từ Nhật Bản đã tràn vào bán đảo Đông Dương, tiếp thêm sức mạnh

trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở các nước này. Đối với Việt Nam, giai đoạn 1992 - 2006, nguồn vốn ODA của Nhật Bản giành cho Việt Nam đạt khoảng 12 tỷ USD (chiếm khoảng 30% tổng số khối lượng ODA của cộng đồng quốc tế cam kết giành cho Việt Nam, trong đó viện trợ không hoàn lại khoảng 1,4 tỷ USD), còn với Campuchia từ 1991 đến 2006 gần 1.088.218.595 USD và Lào giai đoạn 1996-2004 là 109,9 tỷ Yên. Với lượng vốn lớn (đặc biệt là ODA) của Nhật Bản rót vào như trên, có thể khẳng định Nhật Bản là "một cường quốc về viện trợ" cho 3 nước Đông Dương. Vai trò của Nhật Bản thể hiện qua nguồn vốn ODA và vốn vay đã góp phần tạo động lực cho quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa của ba nước Đông Dương. Vai trò này không những phát huy ở thời điểm hiện tại mà cả trong tương lai.

### *2.2. Góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng và các chương trình kinh tế xã hội*

Vai trò của Nhật Bản trong xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội cho 3 nước Đông Dương giai đoạn 1991 đến 2005 được thể hiện chủ yếu như: xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, cải thiện, nâng cấp và xây dựng hệ thống cầu, đường giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, các điều kiện cung cấp điện, nước, nghiên cứu các dự án phát triển, các công trình giao thông đô thị... Thực tế cho thấy các dự án triển khai ở 3 nước Đông Dương sau khi hoàn thành đã phát huy tác dụng tốt đối với sự phát triển kinh tế ở mỗi nước. Nhờ hệ thống đường bộ được nâng cấp, mở rộng và làm mới như hành lang Đông - Tây, các quốc lộ ở Việt Nam, Campuchia, Lào (chẳng hạn vì Lào không có đường ra biển nên Nhật Bản đặc biệt quan tâm, năm 2001 Nhật Bản đã xây cho Lào 40 cây cầu ở nơi xa xôi hẻo lánh để xóa đói, giảm nghèo) cũng như hệ thống đường thủy như dự án tiểu vùng sông

Mê Kông, các cầu cống được xây mới, các cảng biển... đã góp phần đẩy mạnh sự trao đổi hàng hóa, đi lại thuận tiện, đánh thức nhiều vùng kinh tế, nhà máy, khu công nghiệp ra đời, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào 3 nước Đông Dương, trong đó có cả các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản.

### *2.3. Hỗ trợ nỗ lực cải cách và đổi mới ở Việt Nam - Lào - Campuchia hướng tới một nền kinh tế thị trường mở cửa*

Đóng góp của Nhật Bản về kinh tế và kinh nghiệm cho quá trình nỗ lực cải cách và đổi mới ở 3 nước Đông Dương hướng tới một nền kinh tế thị trường mở cửa có một ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, sự hỗ trợ của Nhật Bản trong lĩnh vực nói trên đối với 3 nước Đông Dương có cơ hội thuận lợi để phát triển trên các lĩnh vực như: hỗ trợ chính sách và thể chế trong việc tiến hành nghiên cứu, hoạch định đánh giá các chương trình phát triển kinh tế, xã hội, chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo... Tháng 4/1994, Nhật Bản tích cực trong việc chủ động cùng khối ASEAN xúc tiến thành lập nhóm hợp tác kinh tế ở Đông Dương và Mianma, có Ban thư ký đặt tại Băng Cốc (Thái Lan). Nhóm này đã tiến hành nghiên cứu và phác thảo các kế hoạch hỗ trợ giúp những cố gắng của 3 nước Đông Dương trong 7 lĩnh vực: 1. Thích ứng với nền kinh tế thị trường (đặc biệt là điều chỉnh lại hệ thống kế toán và khuôn khổ pháp lý) 2. Xây dựng những vùng hoặc thành phố kiểu mẫu cho nền kinh tế thị trường hoạt động 3. Tổ chức lại hệ thống lập kế hoạch và thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng 4. Xem xét lại khuôn khổ chính sách đầu tư và ngoại thương 5. Mở rộng việc trao đổi hàng hóa trong khu vực thuộc một số ngành công nghiệp đặc biệt 6. Phát triển các nguồn lợi mở 7. Phát triển nguồn nhân lực. Từ năm 1995, Nhật Bản đã xúc tiến việc hội nhập kinh tế khu vực và kinh

tế thị trường của 3 nước này. Năm 1996, Quỹ tài trợ Nhật Bản, dưới sự giám sát của Bộ Ngoại giao Nhật Bản đã bắt đầu chương trình giúp Việt Nam, Lào, Campuchia hiểu biết hơn về hệ thống ASEAN, AFTA và cơ chế thị trường... Những việc làm này đã tạo điều kiện thuận lợi cho 3 nước Đông Dương hội nhập vào xu thế hòa bình, hội nhập sâu vào các nước ASEAN, thế giới để phát triển.

#### 2.4. Tạo điều kiện thiết lập khu vực kinh tế mở năng động ở Đông Dương

Để giữ được kinh tế Châu Á - TBD mở thì khu vực này phải tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và viện trợ ODA của Nhật Bản vẫn phải giữ một vai trò rất quan trọng. Việc tiếp nhận ODA của Nhật Bản bước đầu tạo dựng khu vực Đông Dương thành khu kinh tế mở, năng động thông qua hàng loạt các sáng kiến kinh nghiệm của Nhật Bản, các nước ASEAN và kể cả Đông Dương vì lợi ích của các đối tác. Đó là dự án phát triển Tiểu vùng sông Mê Kông bao gồm sáu nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Mianma, Vân Nam (Trung Quốc) cùng nhiều dự án khác nữa. Mục tiêu lâu dài của các dự án là nhằm tạo ra sự phát triển đồng đều, bền vững ở tiểu khu vực có sông Mê Kông chảy qua, gia tăng sự hợp tác giữa ASEAN, Trung Quốc và Nhật Bản. Vào những năm 90 của thế kỷ XX trở đi với sự ủng hộ các nước lớn, nhất là của Nhật Bản về tài chính, trên cơ sở sự phát triển kinh tế thương mại của 3 nước Đông Dương, các sáng kiến về khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông, Hành Lang kinh tế Đông Tây, Tam giác phát triển Việt Nam, Lào Campuchia.. đã được xúc tiến mạnh mẽ.

\* \*

\*

Đóng góp của Nhật Bản đối với sự phát triển kinh tế xã hội 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia là rất quan trọng vì trong xu

thế hội nhập, mở cửa hợp tác quốc tế, các nước này không có cách gì khác là phải tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đưa đất nước phát triển. Họ rất cần sự giúp đỡ, viện trợ của Nhật Bản về vốn, khoa học kỹ thuật và đào tạo nhân lực. Các nguồn vốn ODA, FDI của Nhật Bản viện trợ cho 3 nước Đông Dương dưới nhiều hình thức khác nhau và các thời điểm cũng không giống nhau nhưng nhìn chung đều được sử dụng một cách có hiệu quả vừa vì lợi ích của cả hai phía, đặc biệt là cho 3 nước nhận viện trợ. Cụ thể như đầu tư về giao thông vận tải, điện lực cho Lào hoặc đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường sống cho các khu vực thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông, hành lang kinh tế Đông Tây, lâu dài sẽ góp phần cải thiện nâng cao mức sống của người dân các vùng này tạo điều kiện xây dựng các khu vực kinh tế mở, năng động. Đây là cơ hội cho Việt Nam, Lào, Campuchia thu hút vốn đầu tư nước ngoài phục vụ cho quá trình hội nhập và phát triển của mỗi nước./

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. E.O.Reischauer (1994), *Nhật Bản quá khứ và hiện tại*, NXBKHXH, HN
2. <http://www.la.em-Japan.go.jp/>
3. <http://www.la.emb-Japan.go.jp/24>
4. <http://www.cpv.org.vn>
5. *Nhật Bản với cuộc khủng hoảng tiền tệ Đông Nam Á*, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, Số 22 / 1988
6. Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản, số 4/1999.
7. *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trong bối cảnh quốc tế mới* (2007), Hội thảo khoa học quốc tế, Tp. HCM, Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật Bản, ngày 26, 27/ 10 / 2007.